| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**TỈNH THÁI NGUYÊN** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 59/2025/DS-PT
Ngày: 02/4/2025
*V/v:Tranh chấp hợp đồng tín dụng*

# NHÂN DANH
## NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
## TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

*Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Kiên;
Các thẩm phán: Ông Dương Văn Bản và bà Nguyễn Thị Thu Hà;
*Thư ký phiên tòa:* Bà Trần Thị Thanh Thúy, Thư ký Tòa án;
*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên:* Bà Lê Thị Hương Giang, Kiểm sát viên.
Ngày 02/4/2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 248/2024/DS-PT ngày 12/12/2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".
Do bản án dân sự sơ thẩm số 117/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên có kháng cáo. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 40/2025/QĐ-PT ngày 19/02/2025 giữa các đương sự:
* Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V. Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, TP .;
*Người đại diện theo pháp luật:* Ông Ngô Chí D, Chủ tịch HĐQT. *Người đại diện theo ủy quyền*: Ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm xử lý nợ pháp lý. *Người được ông Phạm Tuấn A ủy quyền tham gia tố tụng*: Ông Nguyễn Minh T, Cán bộ xử lý nợ. *Địa chỉ*: Tầng E, số F đường L, p. P, TP ., tỉnh Thái Nguyên (*Có mặt*);
* Bị đơn: Anh Phạm Tiến D1, sinh năm 1998;
HKTT: Tổ B, phường H, TP ., tỉnh Thái Nguyên;
Nơi ở hiện tại: Xóm X, xã Đ, huyện P, tỉnh Thái Nguyên *(Vắng mặt lần thứ hai không có lý do*);
* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
+ Ủy ban nhân dân xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. *Người đại diện theo pháp luật*: Ông Nguyễn Văn D2, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban *(Vắng mặt lần thứ hai không có lý do*);
+ Ông Đặng Văn N; Ông Đặng Văn P; Ông Đặng Văn P1; Ông Đặng Văn N1. Đều có địa chỉ: Xóm T, xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên (*Đều vắng mặt lần thứ hai không có lý do*);

*Người kháng cáo: Ngân hàng Thương mại cổ phần V là nguyên đơn.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo bản án sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày*:

Năm 2021, Ngân hàng TMCP V (V1) đã cho ông Phạm Tiến D1 vay tiền theo 03 Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 2,109,000,000đồng *(Hai tỷ một trăm linh chín triệu đồng),* cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2108314234367 ký ngày 9/9/2021: Số tiền vay là 883,000,000 đồng;

2. Hợp đồng cho vay hạn mức số LN2110014410192 ký ngày 7/10/2021: Số tiền vay là 1,100,000,000 đồng;

3. Hợp đồng cho vay không tài sản bảo đảm số LD2129201212 ký ngày 14/10/2021: Số tiền vay là 126,000,000 đồng.

Cả 3 hợp đồng trên đều có thời hạn vay là 300 tháng, mục đích sử dụng tiền vay của 2 hợp đồng đầu là vay mua bất động sản, của hợp đồng thứ 3 là vay mua nội thất gia đình. Mức lãi suất của 02 hợp đồng đầu là 8.6%/ năm, của hợp đồng thứ 03 là 20%/năm. Lãi suất quá hạn của cả 3 hợp đồng đều bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn.

Tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho các Hợp đồng tín dụng nêu trên bao gồm: Toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số CO 694254, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 09/11/2018 mang tên ông Đặng Văn P1 (đã chuyển nhượng cho ông Phạm Tiến D1 ngày 9/9/2021) có thông tin cụ thể như sau: Thửa đất số 348, tờ bản đồ số 23 địa chỉ tại: xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; diện tích 2.812m$^2$. Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất nêu trên hiện đang được thế chấp tại V1 (Chi tiết theo Văn bản thỏa thuận ngày 9/9/2021 và Hợp đồng thế chấp số 4234367 ngày 17/9/2021 giữa V2 với ông Phạm Tiến D1).

Quá trình thực hiện Hợp đồng, Ông Phạm Tiến D1 đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với V2 và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng, cụ thể: ông D1 mới trả được tổng số tiền 1.137.856.830đ, gồm 1.108.318.761đ của hợp đồng ngày 07/10/2021 (trong đó, có 8.318.761đ tiền lãi và 1,1 tỷ đồng tiền gốc. Thực tế, do hợp đồng ngày 07/10/2021 giải ngân treo nên vẫn phát sinh một khoản lãi theo quy định, số tiền gốc 1,1 tỷ đồng không giải ngân được nên ông D1 đã tất toán khoản vay này), còn lại là trả nợ lãi của 2 hợp đồng ngày 9/9/2021 và ngày 14/10/2021. Tính đến ngày xét xử sơ thẩm 30/9/2024, Ngân hàng xác định ông D1 nợ gốc 1.000.681.239 đồng, nợ lãi trong hạn 21.635.295đ, lãi quá hạn 565.469.441đ, lãi chậm trả 6.046.028đ. Tổng số tiền Ngân hàng yêu cầu ông D1 phải thanh toán đến ngày xét xử sơ thẩm là 1.593.832.003đ. Ngân hàng đề nghị Toà án tiếp tục tính lãi theo đúng thoả thuận tại các Hợp đồng tín dụng nêu trên cho

đến ngày ông D1 tất toán hết nợ cho V2. Trường hợp ông D1 không trả được nợ cho Ngân hàng thì  yêu cầu Toà án tuyên V2 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo của ông D1 để thu hồi nợ cho V2 là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa số 348; tờ bản đồ số 23 nêu trên.

Tại bản tự khai và quá trình hòa giải, bị đơn ông Phạm Tiến D1 xác định việc ký hợp đồng vay nợ và việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với V2 đúng như Ngân hàng trình bày. Nay Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông trả khoản nợ của các hợp đồng mà ông đã ký tính đến ngày hòa giải tại cấp sơ thẩm với tổng số tiền 1.539.049.209đ (*một tỷ năm trăm ba mươi chín triệu không trăm bốn mươi chín nghìn hai trăm linh chín đồng*), gồm 1.000.681.239đ nợ gốc của hợp đồng ngày 9/9/2021 và hợp đồng ngày 14/10/2021; 538.367.970đ nợ lãi, ông hoàn toàn nhất trí. Trường hợp ông không có khả năng thanh toán nợ thì ông cũng nhất trí việc Ngân hàng đề nghị cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo là toàn bộ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất theo "Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất" số CO 694254, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 9/11/2018 mang tên ông Đặng Văn P1 (đã chuyển nhượng cho ông Phạm Tiến D1 ngày 9/9/2021)  thửa đất số 348; tờ bản đồ số 23; địa chỉ tại: xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; diện tích 2812m$^2$. Mặc dù tài sản đảm bảo này là để thế chấp cho khoản vay theo hợp đồng ngày 09/9/2021 nhưng tại hợp đồng cho vay ngày 14/10/2021, ông cũng đồng ý điều khoản về việc ràng buộc tài sản bảo đảm đã ký theo hợp đồng ngày 9/9/2021 cũng được dùng để xử lý cho hợp đồng ngày 14/10/2021 trong trường hợp ông không trả được khoản nợ của hợp đồng này.

Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là các chủ sử dụng đất liền kề đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều có đơn xin giải quyết và xét xử vắng mặt, không cung cấp lời khai.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với bị đơn, ông Phạm Tiến D1 về việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Phạm Tiến D1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 1.593.832.003đ *(một tỷ năm trăm chín mươi ba triệu tám trăm ba mươi hai nghìn không trăm linh ba đồng*), gồm nợ gốc 1,000,681,239 đồng, nợ lãi trong hạn 21.635.295đ, lãi quá hạn 565.469.441đ, lãi chậm trả 6.046.028đ theo các Hợp đồng tín dụng số: LN 2108314234367 ngày 09/9/2021; LN 2110014410192 ngày 07/10/2021; LD 2129201212 ngày 14/10/2021 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V với ông Phạm Tiến D1.

Ông D1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín

dụng số LN 2108314234367 ngày 09/9/2021 và Hợp đồng tín dụng số LD 2129201212 ngày 14/10/2021.

Trường hợp ông D1 không trả nợ hoặc trả không đầy đủ cả gốc và lãi cho Ngân hàng thì VP Bankcó quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng thửa đất số 348, tờ bản đồ số 23 xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, diện tích hiện trạng 1993,7m$^2$, gồm 300m$^2$ đất ở, 1693,7m$^2$ đất trồng cây lâu năm có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 694254 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 9/11/2018 mang tên ông Đặng Văn P1, đăng ký biến động sang tên ông Phạm Tiến D1 ngày 9/9/2021 (có trích lục sơ đồ kèm theo gồm các điểm: 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-G-11-12-13-14-15-16-S-U-1) để thu hồi nợ. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụngvà quyền kháng cáo của đương sự.

Ngày 14/10/2024 nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V kháng cáo đề nghị sửa một phần bản án sơ thẩm, nội dung kháng cáo cho rằng: *Hội đồng xét xử sơ thẩm chỉ công nhận Ngân hàng được quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp phần diện tích 1993,7m$^2$ tại thửa đất 348, TBĐ số 23, phần diện tích còn lại của thửa đất nàythì đương sự có quyền khởi kiện bằngvụ án khác nếu thấy cần thiết là chưa thỏa đáng, chưa đảm bảo được quyền và lợi ích hợp pháp của V2. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm tuyên: V2 có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, phát mại tài sản đảm bảo của ông Phạm Tiến D1 để thu hồi nợ cho V2 là toàn bộ thửa đất số 348, TBĐ 23, dện tích 2812m$^2$ tại xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên*.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm bị đơn anh Phạm Tiến D1 có văn bản ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Anh D1 thể hiện quan điểm: *Anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên hủy toàn bộ bản án sơ thẩm số:117/2024/DS-ST* bởi: Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tôi đồng ý với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Đối với thửa đất chuyển nhượng: Năm 2018 hộ gia đình ông Đặng Văn N đã có văn bản thỏa thuận tặng cho đất cho ông Đặng Văn P và ông Đặng Văn P1 tất cả đều đã ký kết vào văn bản tặng cho đất và được văn phòng đăng ký đất đai huyện P tiếp nhận hồ sơ và cử cán bộ đo đạc ra trích lục, gia đình ông N đã thống nhất ông P1 ở một nửa quả đồi, ông P ở một nửa quả đồi. Vợ chồng ông N ở với ông P1 mỗi người con có một lối đi riêng tất cả đều nhất trí ký vào văn bản thỏa thuận. Ngày 19/11/2018 sau đó ông P1 đã mang GCNQSDĐ thế chấp tại ngân hàng nông nghiệp huyện P phần đất lúa còn lại ông P1 thế chấp cho ông Nguyễn Hồng Q sinh năm 1985 địa chỉ tổ B phường G thành phố T. CMTND: 091033231. Ngày 27/12/2019 ông Đặng Văn P1 đã bán thửa đất 348 nói trên cho ông Vũ Đức D3 cư trú xóm X, xã Đ, thành phố T, tiếp đó ngày 20/01/2020 ông P1 đã bán hết các thửa đất còn lại cho ông Vũ Đức D3. Ngày 22/01/2020 ông P1 đã có biên bản bàn giao đất và tài sản gắn liền với đất cho ông Vũ Đức D3, trong biên bản bàn giao tài sản đã thể hiện rõ hình thù thửa đất trong GCNQSDĐ lối đi vào nhà ông P là lối đi tự phát không có trong diện tích đất ông P1 đã bán cho ông D3

đường bê tông rộng 2,5 mét được ông P1 tự đổ không liên quan đến người thứ ba. Tháng 8 năm 2021 anh có mua thửa đất nói trên của ông Vũ Đức D3. Ngày 09/09/2021 anh đã thế chấp tài sản vào ngân hàng, do dịch bệnh nên anh không có khả năng chi trả, năm 2023 anh đã có văn bản bàn giao thửa đất nói trên cho ngân hàng xử lý

Tại phiên toà phúc thẩm: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Thẩm phán chủ tọa, Hội đồng xét xử, các đương sự chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

*Về thủ tục tố tụng:*

[1]. Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V kháng cáo trong hạn luật định, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Quá trình giải quyết tại cấp phúc thẩm, anh Phạm Tiến D1 có văn bản ý kiến thể hiện không đồng ý với bản án sơ thẩm số 117/2024/DSST ngày 30/9/2024 của Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên và đề nghị huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm. Tuy nhiên sau khi xét xử vụ án Toà án nhân dân thành phố Thái Nguyên đã tống đạt bản án hợp lệ cho anh D1. Trong thời hạn kháng cáo anh D1 không có đơn kháng cáo nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không xem xét đến yêu cầu của anh D1 về việc đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm như trong văn bản ý kiến anh D1 đã gửi tại Toà án.

Về sự vắng mặt của bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều có đơn xin xét xử vắng mặt trong vụ án này và tại phiên toà phúc thẩm bị đơn anh D1 đã được Toà án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do; Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được Toà án triệu tập lần thứ hai tuy nhiên đều vắng mặt tại phiên toà nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan.

[2]. *Về nội dung*:

Xét kháng cáo của Ngân hàng TMCP V, Hội đồng xét xử thấy: Năm 2021, V2 đã cho ông Phạm Tiến D1 vay tiền theo 03 Hợp đồng tín dụng với tổng số tiền là 2,109,000,000 đồng *(hai tỷ một trăm linh chín triệu đồng)*.

Tài sản đảm bảo cho hợp đồng tín dụng ngày 09/9/2021 là thửa đất số số 348; tờ bản đồ số 23; địa chỉ tại: xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên; diện tích 2812m$^2$. Đồng

thời, tại hợp đồng cho vay ngày 14/10/2021, ông D1 cũng đồng ý điều khoản về việc ràng buộc tài sản bảo đảm đã ký theo hợp đồng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay theo hợp đồng ngày 9/9/2021 cũng được dùng để xử lý cho hợp đồng ngày 14/10/2021 trong trường hợp ông không trả được khoản nợ của hợp đồng này.
Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đều không có thắc mắc gì về số tiền vay và về tài sản đảm bảo cho các khoản vay nêu trên.

Theo kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ của Toà án cấp sơ thẩm, trên đất thế chấp hiện có tài sản là nhà ở đã cũ nát, không ai sử dụng, ngoài ra không có tài sản gì khác. Diện tích đất theo GCNQSD là 2812m$^2$. Tuy nhiên, hiện trạng thửa đất chỉ còn 1993,7m$^2$ do bị giảm trừ sang các thửa đất liền kề hiện do các chủ sử dụng đất đang sử dụng làm đường đi (gồm gia đình ông Đặng Văn N - thửa 847, ông Đặng Văn P và bà Nguyễn Thị X - thửa 848), ngoài ra có gia đình ông Đặng Văn N1 và gia đình ông Đặng Văn P1 có thửa giáp ranh (thửa 347 và thửa 349) cũng có một phần diện tích hiện trạng nằm vào thửa 348;  thửa đất 521 do Ủy ban nhân dân xã B quản lý cũng có một phần diện tích hiện trạng nằm vào thửa 348.
Xét thấy, về hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ giá trị pháp lý, các bên đương sự cũng không có thắc mắc gì. Do vậy, bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về nội dung buộc bị đơn thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp là có căn cứ.
Đối với hiện trạng tài sản thế chấp là thửa đất 348 có biến động diện tích so với GCNQSD đất, Toà án cấp sơ thẩm đã đưa các chủ sử dụng đất liền kề vào tham gia tố tụng là đảm bảo quy định. Mặc dù những người này không cung cấp lời khai nhưng tại đơn xin xét xử vắng mặt tại cấp sơ thẩm, ông Đặng Văn N (chủ sử dụng thửa 847) xác định con đường mà gia đình ông đang sử dụng được làm từ năm 1974 - 1975 và đổ bê tông cách đây 5 năm. Ông Đặng Văn P (chủ sử dụng thửa 848) xác định gia đình ông đã sử dụng con đường từ năm 1980 và đến năm 2017 thì đổ bê tông. Ông Đặng Văn N1 (chủ sử dụng thửa 347 và thửa 349) xác định ao cá của gia đình mình giáp ranh với thửa đất của ông D1, gia đình sử dụng đúng ranh giới từ trước đến nay. Các đương sự đều đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật (BL168-172) và không ai có yêu cầu gì về việc giải quyết tranh chấp đất trong vụ án này. Bản án sơ thẩm nhận định V2 chỉ có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án xử lý kê biên, phát mại phần diện tích hiện trạng 1993,7m$^2$, còn đối với những phần diện tích còn lại có liên quan với các thửa liền kề, Toà án dành quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác là hoàn toàn có căn cứ. Bởi lẽ, đây là vụ án về tranh chấp hợp đồng tín dụng, không phải là vụ án về tranh chấp quyền sử dụng đất.

Theo khoản 24 Điều 3 Luật Đất đai 2013 quy định: tranh chấp đất đai là tranh chấp về quyền, nghĩa vụ của người sử dụng đất giữa hai hoặc nhiều bên trong quan hệ đất đai. Trong vụ án này, nếu phát sinh tranh chấp về QSD đất, HĐXX cũng

không có thẩm quyền giải quyết cả hai mối quan hệ về hợp đồng tín dụng và tranh chấp QSD đất. Để đảm bảo việc thi hành án mang tính khả thi, Toà án cấp sơ thẩm chỉ chấp nhận diện tích hiện trạng 1993,7m$^2$ là hoàn toàn có căn cứ, đồng nghĩa với việc không có căn cứ chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn V2 về việc V2 được quyền đề nghị cơ quan Thi hành án xử lý, phát mại toàn bộ diện tích đất theo GCNQSD đất đã nhận thế chấp.

Sau này nếu phát sinh tranh chấp giữa các chủ sử dụng đất liền kề với chủ sử dụng thửa đất 348 những người này có quyền khởi kiện bằng vụ án dân sự khác.

[3]. Về án phí:

*Án phí dân sự sơ thẩm*: Bị đơn ông D1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*Án phí dân sự phúc thẩm*: Nguyên đơn V2 chịu án phí dân sự phúc thẩm do nội dung kháng cáo không được chấp nhận.

*Từ những phân tích nêu trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận nội dung kháng cáo của nguyên đơn V2.

- Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 117/2024/DS-ST ngày 30/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V đối với bị đơn ông Phạm Tiến D1 về việc thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng.

Buộc ông Phạm Tiến D1 phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền 1.593.832.003đ *(một tỷ năm trăm chín mươi ba triệu tám trăm ba mươi hai nghìn không trăm linh ba đồng*), gồm nợ gốc 1.000.681.239 đồng, nợ lãi trong hạn 21.635.295 đồng, lãi quá hạn 565.469.441 đồng, lãi chậm trả 6.046.028 đồng theo các Hợp đồng tín dụng số: LN 2108314234367 ngày 09/9/2021; LN 2110014410192 ngày 07/10/2021; LD 2129201212 ngày 14/10/2021 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V với ông Phạm Tiến D1.

Ông D1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ gốc theo lãi suất thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số LN2108314234367 ngày 09/9/2021 và Hợp đồng tín dụng số LD2129201212 ngày 14/10/2021 giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V với ông Phạm Tiến D1.

Trường hợp ông D1 không trả nợ hoặc trả không đầy đủ cả gốc và lãi cho Ngân hàng thì VP Bankcó quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền kê biên, phát mại tài sản thế chấp là Quyền sử dụng thửa đất số 348, tờ bản đồ số 23 xã B, huyện P, tỉnh Thái Nguyên, diện tích hiện trạng 1993,7m$^2$, gồm 300m$^2$ đất ở, 1693,7m$^2$ đất trồng cây lâu năm có trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CO 694254 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 9/11/2018 mang tên ông Đặng Văn P1, đăng ký biến động sang tên

ông Phạm Tiến D1 ngày 09/9/2021 (có trích lục sơ đồ kèm theo gồm các điểm: 1-2-3-4-5-6-7-8-9-10-G-11-12-13-14-15-16-S-U-1) để thu hồi nợ.

2. *Án phí:*

*- Án phí sơ thẩm: Ông Phạm Tiến D1* chịu 59.814.960đ *(năm mươi chín triệu tám trăm mười bốn nghìn chín trăm sáu mươi đồng)* án phí dân sự sơ thẩm nộp Ngân sách Nhà nước.

- Hoàn trả cho V2 số tiền tạm ứng án phí 26.667.000đ (*hai mươi sáu triệu sáu trăm sáu mươi bẩy nghìn đồng*) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002437 ngày 09/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Án phí phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại cổ phần V3 NamThịnh Vượng chịu 300.000đ án phí dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003345 ngày 22/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

3. Chi phí tố tụng: Ông Phạm Tiến D1 có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền chi phí tố tụng là 18.000.000đ (*mười tám triệu đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, nếu người phải thi hành không thi hành mà người được thi hành có đơn yêu cầu thi hành án thì người phải thi hành phải chịu lãi suất đối với số tiền chậm thi hành tương ứng với thời gian chậm thi hành. Mức lãi suất do các bên đương sự thỏa thuận nhưng không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền chậm thi hành. Trường hợp không thỏa thuận được thì lãi suất được xác định bằng 50% của mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo Điều 6, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*Nơi nhận:*
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TANDthành phốThái Nguyên;
- Chi cục THADS Thái Nguyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Hoàng Văn Kiên**